

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoa thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 1

Từ SBD: 470001 đến SBD: 470018

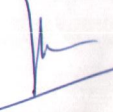
Từ SBD: 470001 đến SBD:470018

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470001	MAI HOÀI AN	Nữ	16/12/2006	BUỒN MA THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Trần Phú	4,75	10,00	7,80	7,50	Toán	
2	470002	NGUYỄN THỊ THU AN	Nữ	07/09/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,75	7,50	9,80	4,00	Toán	
3	470003	NGUYỄN VÕ MỸ AN	Nữ	16/10/2006	QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	6,00	9,80	5,50	Ngữ Văn	
4	470004	PHAN ĐỨC ANH	Nam	02/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	8,25	5,00	3,50	Toán	
5	470005	VÕ HOÀNG ANH	Nam	14/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	7,00	7,20	4,25	Toán	
6	470006	NGUYỄN LÊ HOÀNG ANH	Nam	13/12/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,00	8,00	7,20	5,50	Toán	
7	470007	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	13/03/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	7,00	8,20	4,75	Ngữ Văn	
8	470008	HÀ NGỌC ANH	Nữ	17/01/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	9,50	9,40	2,75	Toán	
9	470009	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	11/01/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	5,00	5,75	4,20	6,00	Ngữ Văn	
10	470010	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	02/01/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	2,75	6,20	4,00	Ngữ Văn	
11	470011	LÊ QUỲNH ANH	Nữ	02/06/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	5,75	4,40	7,00	Ngữ Văn	
12	470012	ĐỖ THỊ LAN ANH	Nữ	31/08/2006	CƯ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	5,00	9,00	8,00	4,50	Toán	
13	470013	NGÔ THỊ NGỌC ANH	Nữ	23/08/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	3,25	6,80	5,75	Ngữ Văn	
14	470014	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	16/07/2006	LÂM HÀ - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,00	4,25	4,40	5,00	Ngữ Văn	
15	470015	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	12/12/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,50	2,50	3,00	5,50	Ngữ Văn	
16	470016	TRƯƠNG THỊ TRÂM ANH	Nữ	02/07/2006	TRIỆU PHONG - QUẢNG TRỊ	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	6,75	3,75	5,60	6,00	Ngữ Văn	
17	470017	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	18/09/2006	NGHĨA HÙNG - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	2,75	2,60	4,25	Ngữ Văn	
18	470018	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	12/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	7,25	5,60	6,75	Ngữ Văn	

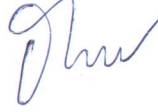
NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)


Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)


Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)


Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI




Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021

Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 2

Từ SBD: 470019 đến SBD:470036

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470019	LÊ HỒNG ÁNH	Nữ	02/09/2006	ĐẮK GLONG - ĐẮK NÔNG	Nùng	THCS Nguyễn Du	6,00	5,75	6,80	3,25	Toán	
2	470020	BÙI NGỌC ÁNH	Nữ	18/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	4,25	7,40	5,25	Ngữ Văn	
3	470021	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	08/10/2006	BUỒN MỀ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	7,00	8,20	6,25	Ngữ Văn	
4	470022	LÊ THỊ MINH ÁNH	Nữ	17/08/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,75	4,50	4,40	1,50	Toán	
5	470023	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	18/11/2006	KRÔNG PAK - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,25	7,50	6,40	5,50	Toán	
6	470024	NGÔ NGUYỄN GIA BẢO	Nam	01/08/2006	K RÔNG ANA - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	6,75	8,20	5,75	Toán	
7	470025	HÀ KHÁNH BĂNG	Nữ	23/12/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	6,75	4,00	5,60	5,75	Ngữ Văn	
8	470026	NGUYỄN THỊ THÚY BÌNH	Nữ	24/03/2006	THÁI BÌNH	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,00	3,75	3,00	4,75	Ngữ Văn	
9	470027	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	19/09/2006	TÂN PHÚ - ĐỒNG NAI	Kinh	THCS Chu Văn An	5,75	7,25	5,00	2,25	Toán	
10	470028	VÕ TRẦN Á CHÂU	Nữ	22/10/2006	LÂM HÀ - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	8,25	4,60	4,50	Ngữ Văn	
11	470029	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	27/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	10,00	8,80	5,75	Toán	
12	470030	PHAN VĂN CƯỜNG	Nam	15/05/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	5,25	7,75	4,20	3,50	Toán	
13	470031	NGUYỄN VINH DANH	Nam	25/09/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	6,50	8,75	9,80	7,50	Toán	
14	470032	TRẦN THỊ HƯƠNG DIỄM	Nữ	20/04/2006	ĐẮK GLONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Chu Văn An	KT	KT	0,00	KT	Ngữ Văn	
15	470033	ĐỖ THỊ KIỀU DIỄM	Nữ	14/01/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	4,75	2,80	4,50	Ngữ Văn	
16	470034	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	27/02/2006	HÙNG HÀ - THÁI BÌNH	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	7,50	9,00	7,40	4,50	Toán	
17	470035	NGUYỄN HỮU DUY	Nam	29/11/2006	K RÔNG NÔ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nờ	6,00	7,75	4,60	3,00	Toán	
18	470036	NGUYỄN NGỌC KỶ DUYÊN	Nữ	26/01/2006	MỘ ĐỨC - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,25	3,00	4,00	6,25	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 3

Từ SBD: 470037 đến SBD:470054

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470037	PHẠM PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	14/04/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	8,50	8,60	4,25	Toán	
2	470038	NGUYỄN DOÃN DŨNG	Nam	10/05/2006	K RÔNG ANA - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	9,25	8,20	6,00	Toán	
3	470039	HỒ BẠCH DƯƠNG	Nữ	27/03/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8,25	7,25	6,20	7,00	Ngữ Văn	
4	470040	NÔNG HỮU THÁI DƯƠNG	Nam	17/10/2006	ĐẮK NÔNG	Tây	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	9,25	8,20	7,00	Toán	
5	470041	PHÙNG NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	21/09/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,25	2,00	4,40	3,00	Ngữ Văn	
6	470042	PHẠM NGUYỄN KHÁNH ĐAN	Nữ	10/10/2006	CƯ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	6,50	1,25	7,80	2,75	Ngữ Văn	
7	470043	LÊ THỊ ANH ĐÀO	Nữ	15/11/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,00	6,00	6,40	1,75	Toán	
8	470044	HOÀNG TẤN ĐẠT	Nam	08/05/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Nùng	THCS Nguyễn Du	6,25	8,75	6,40	4,50	Toán	
9	470045	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	24/06/2006	ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	4,25	4,75	4,00	2,25	Toán	
10	470046	MAI THÀNH ĐẠT	Nam	13/01/2006	Hải Hậu - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	6,50	6,60	2,75	Toán	
11	470047	TRẦN KHÁNH ĐOAN	Nữ	27/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	6,50	7,60	3,75	Ngữ Văn	
12	470048	TRỊNH VIỆT ĐỨC	Nam	09/12/2006	CƯ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,25	7,75	4,00	2,50	Toán	
13	470049	NGUYỄN HƯỜNG GIANG	Nữ	20/08/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	6,50	7,00	8,20	7,00	Ngữ Văn	
14	470050	LÊ NGỌC LINH GIANG	Nữ	21/08/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Năm Ndir	6,50	5,75	5,60	5,25	Ngữ Văn	
15	470051	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	03/06/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	7,75	4,60	6,00	Toán	
16	470052	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	04/01/2006	M'DRAK - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,50	8,75	6,20	4,25	Toán	
17	470053	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	07/01/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS ngoài tỉnh	5,75	3,50	5,00	3,50	Ngữ Văn	
18	470054	BÙI THỊ THU HÀ	Nữ	05/03/2006	BUỒN MA THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,25	5,00	3,50	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 4

Từ SBD: 470055 đến SBD:470072

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470055	MAI THỊ THU HÀ	Nữ	12/02/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	6,50	9,00	7,20	4,50	Toán	
2	470056	ĐINH VIỆT HÀ	Nữ	27/05/2006	K' RÔNG ANA - ĐẮK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	2,75	5,80	3,25	Ngữ Văn	
3	470057	TRẦN LƯU DUYÊN HẠ	Nữ	30/10/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	9,25	8,40	6,25	Toán	
4	470058	LÊ THỊ TUYẾT HẠNH	Nữ	12/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	6,75	4,60	1,75	Toán	
5	470059	TRẦN NGUYỄN NGỌC MỸ HẢO	Nữ	01/09/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,25	5,00	7,80	6,25	Ngữ Văn	
6	470060	NGUYỄN THỊ THANH HÀNG	Nữ	01/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,75	7,50	7,20	2,25	Toán	
7	470061	NGUYỄN THỊ THÚY HÀNG	Nữ	28/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	4,50	9,00	9,00	3,75	Toán	
8	470062	VŨ THÚY HÀNG	Nữ	13/05/2006	CƯ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phạm Hồng Thái	5,00	3,75	3,40	4,75	Ngữ Văn	
9	470063	ĐOÀN THỊ THANH HIỀN	Nữ	12/02/2006	CƯ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	7,25	3,00	4,40	5,50	Ngữ Văn	
10	470064	HỒ THỊ THU HIỀN	Nữ	20/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,75	7,75	6,20	3,25	Toán	
11	470065	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	28/01/2006	Hải Hậu, Nam Định	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	7,75	3,20	2,25	Toán	
12	470066	HOÀNG ĐỖ MỸ HOA	Nữ	16/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	9,00	7,80	3,50	Toán	
13	470067	NGUYỄN THỊ MAI HOA	Nữ	19/01/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	6,00	8,00	7,00	3,00	Toán	
14	470068	NGÔ THỊ THANH HOÀI	Nữ	04/01/2006	Y YÊN - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	9,75	9,00	4,50	Toán	
15	470069	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	06/11/2006	K RÔNG NÔ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	6,75	6,75	7,40	6,50	Toán	
16	470070	VŨ THÁI HỌC	Nam	14/12/2006	THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	4,75	8,00	5,20	4,50	Toán	
17	470071	TRẦN PHƯƠNG HUẾ	Nữ	05/02/2006	ĐẮK GLONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,75	0,75	2,60	5,50	Ngữ Văn	
18	470072	NGUYỄN HỮU HUY	Nam	09/06/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	TH và THCS Nguyễn Gia Thiều	5,50	6,75	6,40	3,25	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoa thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 5

Từ SBD: 470073 đến SBD:470090

Từ SBD: 470073 đến SBD:470090

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470073	BÙI NGUYỄN HUY	Nam	26/10/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,75	9,00	8,60	4,00	Toán	
2	470074	MAI THANH HUYỀN	Nữ	07/05/2006	Nam Trục, Nam Định	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	9,25	7,00	5,00	Toán	
3	470075	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/07/2006	LONG THÀNH - ĐỒNG NAI	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	7,50	8,75	5,80	7,00	Toán	
4	470076	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	12/08/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,25	9,50	8,40	7,00	Toán	
5	470077	LÊ DUY HÙNG	Nam	01/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	8,00	5,00	2,50	Toán	
6	470078	NGUYỄN THANH HÙNG	Nam	15/08/2005	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	8,50	9,80	4,75	Toán	
7	470079	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	13/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	8,75	9,20	6,50	Toán	
8	470080	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	10/01/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	8,00	8,25	5,40	2,25	Toán	
9	470081	LÊ BẢO NAM KHÁNH	Nam	07/10/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,25	9,00	9,00	6,50	Toán	
10	470082	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nữ	30/07/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,00	9,25	10,00	7,50	Toán	
11	470083	QUÁCH ANH KHOA	Nam	05/12/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	7,50	9,20	5,00	Toán	
12	470084	HOÀNG CAO ANH KHOA	Nam	19/08/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	8,25	8,40	4,00	Toán	
13	470085	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHOA	Nam	09/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,75	8,00	3,80	2,00	Toán	
14	470086	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	14/02/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	10,00	9,40	5,50	Toán	
15	470087	HÀ KIỀU	Nữ	04/09/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Tây	THCS Trần Phú	5,75	7,75	6,00	4,00	Toán	
16	470088	BÙI THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	06/11/2006	TIẾN HẢI - THÁI BÌNH	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	8,75	4,40	4,00	Toán	
17	470089	TRẦN THỊ KIM LIÊN	Nữ	24/05/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	7,25	9,25	5,40	6,75	Toán	
18	470090	PHẠM BÍCH LIỄU	Nữ	28/11/2006	PHÙ MỸ - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	5,00	9,00	5,60	6,50	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 6

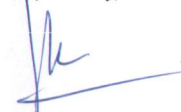
Từ SBD: 470091 đến SBD:470108

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470091	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	01/07/2006	NÔNG CỐNG - THANH HÓA	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,50	9,25	6,60	4,75	Toán	
2	470092	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	02/12/2006	EAKAR - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	5,50	6,20	6,25	Ngữ Văn	
3	470093	NGUYỄN HÀ NGỌC LINH	Nữ	28/01/2006	BẢO LÂM - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	4,25	3,60	5,25	Ngữ Văn	
4	470094	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	04/09/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,75	9,00	5,40	2,75	Toán	
5	470095	HUỲNH KIM HOÀNG THỊ GIA LINH	Nữ	02/06/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	4,00	5,00	6,75	Ngữ Văn	
6	470096	ĐƯỜNG MAI LINH	Nữ	30/05/2006	K RÔNG NÔ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nơir	7,00	9,50	7,00	4,00	Toán	
7	470097	NGUYỄN NHẬT LINH	Nam	04/09/2006	LỘC HÀ - HÀ TĨNH	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	8,75	8,40	7,00	Toán	
8	470098	KHỔNG PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	20/05/2006	KON TUM	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	9,25	8,60	4,25	Toán	
9	470099	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	28/07/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	7,00	4,60	2,25	Toán	
10	470100	NGUYỄN THỊ HƯỜNG LINH	Nữ	30/06/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Mường	THCS Trần Phú	5,75	5,50	4,60	2,50	Toán	
11	470101	LÊ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	11/11/2006	GIAO THỦY - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	5,75	3,25	5,20	4,25	Ngữ Văn	
12	470102	ĐÌNH THỊ MỸ LY	Nữ	08/06/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	6,00	4,20	6,00	Ngữ Văn	
13	470103	LÊ TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	22/11/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,75	9,25	8,60	5,50	Toán	
14	470104	VŨ ĐÌNH LONG	Nam	09/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,50	7,50	9,00	6,75	Toán	
15	470105	NGÔ NHẬT LONG	Nam	10/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,50	7,00	2,80	2,00	Toán	
16	470106	NGUYỄN THỊ MỸ LỘC	Nữ	14/01/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	4,25	8,25	9,00	5,00	Toán	
17	470107	TRẦN NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	15/07/2006	ĐÔNG HỚI - QUẢNG BÌNH	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	9,25	8,00	4,00	Toán	
18	470108	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	07/07/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	7,25	6,40	6,25	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)


Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

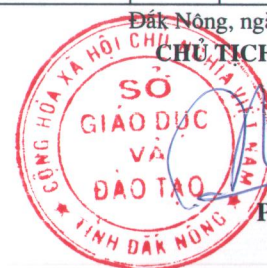

Phạm Thị Hải

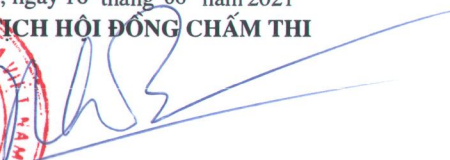
NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)


Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI




Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoa thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2
Phòng thi số: 7
Từ SBD: 470109 đến SBD:470126

Từ SBD: 470109 đến SBD: 470126

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470109	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	17/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	9,25	6,80	5,50	Toán	
2	470110	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	16/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	2,25	4,00	6,25	Ngữ Văn	
3	470111	LẠI VŨ THẢO LY	Nữ	18/08/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,75	5,25	4,40	6,50	Ngữ Văn	
4	470112	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	13/05/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	9,25	7,60	4,50	Toán	
5	470113	TRƯƠNG THỊ XUÂN MAI	Nữ	17/02/2006	Đạ Huoai - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	5,75	6,75	5,80	5,00	Ngữ Văn	
6	470114	NGUYỄN MINH MẠNH	Nam	16/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	1,75	4,00	5,50	Ngữ Văn	
7	470115	TRƯỜNG KHẮC QUANG MƯU	Nam	20/02/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	6,25	9,75	4,60	5,50	Toán	
8	470116	PHAN THỊ TRÀ MY	Nữ	06/03/2006	TP HỒ CHÍ MINH	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	6,50	2,25	8,20	5,00	Ngữ Văn	
9	470117	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	21/02/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	8,75	9,20	5,75	Toán	
10	470118	LÊ THỊ THỦY NGÂN	Nữ	09/02/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,50	5,75	5,40	2,00	Toán	
11	470119	NGUYỄN VŨ THANH NGÂN	Nữ	21/04/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	4,25	5,80	7,25	Ngữ Văn	
12	470120	NGUYỄN BẢO NHƯNG QUOC	Nữ	27/01/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	3,50	5,20	6,00	Ngữ Văn	
13	470121	VĂN HỒNG NGOC	Nữ	09/09/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	4,00	4,60	5,50	Ngữ Văn	
14	470122	VŨ CAO NGUYỄN	Nam	27/06/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	9,00	8,40	3,50	Toán	
15	470123	ĐOÀN ĐĂNG NGUYỄN	Nam	29/12/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,75	10,00	9,80	6,50	Toán	
16	470124	TRỊNH NGOC NGUYỄN	Nam	01/07/2006	Hải Hậu - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	9,25	7,80	4,25	Toán	
17	470125	NGUYỄN THỊ HẠNH NGUYỄN	Nữ	15/01/2006	HỮU LŨNG - LẠNG SƠN	Nùng	THCS Hoàng Văn Thụ	7,00	8,25	3,60	6,25	Ngữ Văn	
18	470126	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	08/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,75	3,50	7,20	7,00	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 8

Từ SBD: 470127 đến SBD: 470144

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470127	ĐÀO TRUNG NGUYỄN	Nam	11/02/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,50	7,00	8,60	2,25	Toán	
2	470128	PHẠM VĂN NGUYỄN	Nam	28/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	7,00	3,60	0,75	Toán	
3	470129	PHAN VĂN TUẤN NGUYỄN	Nam	27/01/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	5,50	6,75	4,80	1,25	Toán	
4	470130	HOÀNG PHÙNG THU NGUYỆT	Nữ	06/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	4,75	7,00	4,00	Ngữ Văn	
5	470131	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	02/02/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	6,75	9,25	5,80	6,00	Toán	
6	470132	TRẦN THỊ THANH NHẬT	Nữ	19/05/2006	K RÔNG ANA - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,25	1,25	8,40	7,00	Ngữ Văn	
7	470133	LÊ VIỆT NHẬT	Nam	15/07/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	6,25	8,50	5,40	4,00	Toán	
8	470134	TRẦN THỊ MINH NHI	Nữ	18/09/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	9,25	7,20	4,25	Toán	
9	470135	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	Nữ	26/02/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,25	3,75	3,60	5,50	Ngữ Văn	
10	470136	NGUYỄN TRẦN BĂNG NHI	Nữ	25/11/2006	BUỒN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,25	7,50	4,60	5,00	Ngữ Văn	
11	470137	TRẦN YẾN NHI	Nữ	05/08/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	6,75	7,80	7,00	Ngữ Văn	
12	470138	HỒ THỊ NHUNG	Nữ	16/03/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	5,25	5,50	4,20	2,75	Toán	
13	470139	VŨ THỊ NHUNG	Nữ	26/08/2006	THUẬN THÀNH - BẮC NINH	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	3,25	3,80	5,75	Ngữ Văn	
14	470140	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	06/08/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	9,00	7,20	4,75	Toán	
15	470141	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	22/02/2006	Hố CHÍ MINH	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	5,25	7,75	6,20	4,25	Ngữ Văn	
16	470142	NGUYỄN ĐOÀN XUÂN NY	Nữ	09/04/2006	TƯ NGHĨA - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,75	6,50	7,00	2,75	Toán	
17	470143	NGUYỄN THỊ HỒNG NY	Nữ	19/12/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	8,25	8,20	6,25	Ngữ Văn	
18	470144	NGUYỄN HOÀNG OANH	Nữ	20/08/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	6,50	8,20	7,25	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

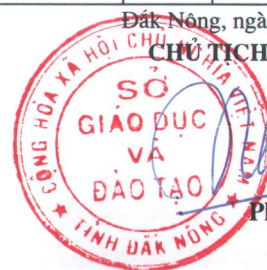
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 9

Từ SBD: 470145 đến SBD:470162

Từ SBD: 470145 đến SBD:470162													
TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470145	LÊ KIỀU OANH	Nữ	18/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	4,00	4,60	5,75	Ngữ Văn	
2	470146	LÊ KIM OANH	Nữ	18/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,75	4,75	7,40	6,50	Ngữ Văn	
3	470147	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	30/08/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,00	3,25	7,60	5,75	Ngữ Văn	
4	470148	TRẦN VŨ HOÀNG OANH	Nữ	22/03/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	KT	KT	0,00	KT	Toán	
5	470149	PHAN QUỐC PHÁT	Nam	24/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	8,75	7,80	6,75	Toán	
6	470150	ĐỖ DUY PHONG	Nam	20/05/2006	K RÔNG NĂNG - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	9,25	5,20	2,25	Toán	
7	470151	NGUYỄN ĐOÀN BẢO PHÚC	Nam	05/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	7,50	7,80	4,00	Toán	
8	470152	VÕ HOÀNG PHÚC	Nam	25/02/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	6,25	8,50	8,00	1,75	Toán	
9	470153	NGUYỄN XUÂN HỒNG PHÚC	Nam	30/01/2006	ĐÌNH QUẬN - ĐỒNG NAI	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,00	3,75	2,20	5,00	Ngữ Văn	
10	470154	ĐẶNG THANH PHỤNG	Nữ	07/07/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	6,00	5,25	5,60	5,75	Ngữ Văn	
11	470155	TRẦN HÀ PHƯƠNG	Nữ	04/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	9,00	8,60	3,00	Toán	
12	470156	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	Nữ	02/10/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	9,00	6,20	4,50	Toán	
13	470157	TRẦN THỊ NHẢ PHƯƠNG	Nữ	03/05/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,50	0,50	8,40	5,75	Ngữ Văn	
14	470158	VŨ TRẦN LAN PHƯƠNG	Nữ	10/02/2006	ĐẮK MIL - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	8,00	8,25	8,60	3,00	Toán	
15	470159	PHAN THỊ THU PHƯỚC	Nữ	30/05/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	7,50	7,50	4,60	5,75	Ngữ Văn	
16	470160	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	Nam	09/09/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	7,50	6,80	2,75	Toán	
17	470161	NGUYỄN HẢI QUÂN	Nam	20/09/2006	VĨNH BẢO - HẢI PHÒNG	Kinh	THCS Hoàng Văn Thu	5,75	8,50	5,00	4,25	Toán	
18	470162	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	31/03/2006	DI LINH - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,16	2,25	5,60	5,25	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 10

Từ SBD: 470163 đến SBD: 470180

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470163	ĐẶNG THỊ NGỌC QUỲNH	Nữ	06/03/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	6,00	4,00	6,00	Ngữ Văn	
2	470164	HOÀNG PHÚ QUÝ	Nam	20/08/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	3,50	7,00	0,50	Toán	
3	470165	LÊ VĂN QUÝ	Nam	06/04/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	6,25	9,25	7,00	6,50	Toán	
4	470166	NGUYỄN QUẾ LINH SAN	Nam	05/12/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	8,25	6,60	5,50	Toán	
5	470167	TRẦN THỊ THU SANG	Nữ	26/10/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toàn	6,75	3,25	5,20	6,00	Ngữ Văn	
6	470168	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	05/03/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	5,75	8,20	3,25	Toán	
7	470169	NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG	Nữ	05/06/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	7,75	4,80	6,25	Ngữ Văn	
8	470170	NGUYỄN VĂN SỸ	Nam	12/05/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	6,25	7,50	3,60	2,50	Toán	
9	470171	NGUYỄN LÂM PHƯƠNG THANH	Nữ	26/07/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,25	8,25	9,40	6,75	Ngữ Văn	
10	470172	LÊ XUÂN THANH	Nam	22/12/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	8,00	7,00	2,25	Toán	
11	470173	NGUYỄN NGỌC THÀNH	Nam	24/10/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,25	5,00	6,00	6,00	Ngữ Văn	
12	470174	LÊ THÔNG THÁI	Nam	11/12/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,75	7,60	5,25	Toán	
13	470175	HOÀNG LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/06/2006	CỰ JUT - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	7,00	7,50	7,80	4,00	Toán	
14	470176	HOÀNG MINH THẢO	Nữ	06/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	4,00	4,80	5,50	Ngữ Văn	
15	470177	MAI PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/05/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,25	8,80	9,00	Toán	
16	470178	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	3,75	3,40	6,50	Ngữ Văn	
17	470179	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/07/2006	EAKAR - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	8,50	4,00	3,75	Toán	
18	470180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/02/2006	Hải Hậu - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,75	8,25	7,80	6,58	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 11

Từ SBD: 470181 đến SBD: 470198

Từ SBD: 470181 đến SBD:470198

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470181	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/02/2006	YÊN THÀNH - NGHỆ AN	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	5,25	3,60	6,00	Ngữ Văn	
2	470182	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	27/09/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,00	7,50	5,80	5,25	Ngữ Văn	
3	470183	ĐẶNG THỊ THU THẢO	Nữ	03/02/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	6,50	6,60	5,75	Ngữ Văn	
4	470184	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	01/09/2006	TUY ĐỨC - ĐẮK NÔNG	Kinh	TH và THCS Nguyễn Gia Thiều	7,25	6,50	4,80	6,50	Ngữ Văn	
5	470185	PHẠM THÀNH THẮNG	Nam	20/07/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	6,25	5,00	2,25	Toán	
6	470186	TRẦN HỒ QUỲNH THỊ	Nữ	16/10/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	9,00	8,80	3,50	Toán	
7	470187	LÊ CÔNG THỊNH	Nam	22/09/2005	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	3,25	3,75	4,20	0,25	Toán	
8	470188	NGUYỄN THỊ KIM THOÀ	Nữ	16/11/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	5,00	6,75	4,40	3,00	Toán	
9	470189	TRẦN THANH THÚY	Nữ	04/06/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	9,25	8,60	6,50	Toán	
10	470190	TRẦN NGỌC BÍCH THỦY	Nữ	19/05/2006	LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	8,75	8,60	4,75	Toán	
11	470191	HÙNG THỊ THANH THỦY	Nữ	27/05/2006	ĐẮK R'LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,50	4,25	8,40	5,50	Ngữ Văn	
12	470192	TRẦN THỊ THU THỦY	Nữ	25/03/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	5,75	6,60	7,25	Ngữ Văn	
13	470193	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	09/03/2006	PHÙ MỸ - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	3,50	6,80	4,75	Ngữ Văn	
14	470194	BÙI THỊ THU	Nữ	29/03/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,25	4,40	3,25	Toán	
15	470195	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	03/05/2006	ĐỨC PHỔ - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	9,25	8,00	5,75	Toán	
16	470196	PHAN THỊ MINH THU	Nữ	31/01/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	2,75	4,00	6,75	Ngữ Văn	
17	470197	VŨ NGUYỄN Ý THƯỜNG	Nữ	09/04/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	4,75	5,00	5,75	Ngữ Văn	
18	470198	PHẠM TIẾN	Nam	19/06/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	9,25	9,00	6,25	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM

(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT

(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN

(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phạm Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 12

Từ SBD: 470199 đến SBD: 470216

Từ SBD: 4/0199 đến SBD: 4/0216

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470199	TRẦN THANH TIẾN	Nam	23/06/2006	K RÔNG BÔNG - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	7,75	4,20	2,50	Toán	
2	470200	NGÔ XUÂN TIẾN	Nam	21/09/2006	ĐẮK NIA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,75	3,75	2,00	3,50	Ngữ Văn	
3	470201	TRẦN LÊ KHÁNH TOÀN	Nam	26/02/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5,50	9,25	10,00	6,00	Toán	
4	470202	NGUYỄN CAO TOẠI	Nam	13/08/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,75	8,00	3,40	4,00	Toán	
5	470203	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	07/01/2006	KIM SƠN - NINH BÌNH	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	3,50	5,00	5,50	Ngữ Văn	
6	470204	NGUYỄN LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	28/05/2006	BUỒN MẾ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	3,25	6,00	5,00	Ngữ Văn	
7	470205	LÊ NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	30/03/2006	K RÔNG NÔ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7,00	6,50	5,80	6,00	Ngữ Văn	
8	470206	PHẠM THỊ HOÀNG TRANG	Nữ	09/01/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	8,25	8,40	5,50	Toán	
9	470207	CHU THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	27/09/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	7,00	7,80	1,50	Toán	
10	470208	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/11/2006	KRÔNG NĂNG - ĐẮK LẮK	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	7,75	8,25	8,00	7,25	Ngữ Văn	
11	470209	VŨ THỊ THÙY TRANG	Nữ	16/07/2006	K RÔNG NÔ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	6,50	1,00	3,20	3,25	Ngữ Văn	
12	470210	PHẠM THU TRANG	Nữ	16/05/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,58	3,00	5,00	4,50	Ngữ Văn	
13	470211	PHẠM NGUYỄN HUYỀN TRÂM	Nữ	23/06/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	10,00	9,00	7,25	Toán	
14	470212	ĐINH THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	19/03/2006	K RÔNG NĂNG - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,00	5,25	8,00	5,75	Ngữ Văn	
15	470213	PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	15/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,00	4,50	5,00	4,00	Ngữ Văn	
16	470214	NGUYỄN VŨ MINH TRIẾT	Nam	20/04/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,50	8,50	8,80	4,50	Toán	
17	470215	TRẦN NAM TRUNG	Nam	07/02/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	9,50	4,40	6,25	Toán	
18	470216	TRẦN QUANG TRUNG	Nam	06/12/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	7,50	6,40	2,00	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phạm Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoa thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 13

Từ SBD: 470217 đến SBD:470234

Từ SBD: 470217 đến SBD: 470234

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470217	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	23/08/2006	HẢI HẬU - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Cao Bá Quát	6,00	9,25	7,40	3,00	Toán	
2	470218	TRẦN THIÊN TRÚC	Nữ	24/05/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,25	4,50	8,00	6,00	Ngữ Văn	
3	470219	AO CÔNG TRƯỜNG	Nam	28/04/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,25	9,50	3,60	4,00	Toán	
4	470220	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	23/08/2006	ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	5,00	5,75	5,20	2,25	Toán	
5	470221	VÕ QUANG TRƯỜNG	Nam	10/03/2006	SƠN TỊNH - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	7,00	9,50	6,60	7,75	Toán	
6	470222	PHÙNG THỨ TRƯỜNG	Nam	14/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	6,50	3,40	2,25	Toán	
7	470223	LÊ ĐÌNH ĐỨC TUẤN	Nam	28/10/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	9,25	9,60	3,25	Toán	
8	470224	NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	Nam	05/11/2006	VŨ THƯ - THÁI BÌNH	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	5,25	8,00	3,80	2,00	Toán	
9	470225	HỒ MINH TUỆ	Nam	15/10/2006	K RÔNG NỎ - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Đắk Nang	7,00	8,00	6,60	1,50	Toán	
10	470226	LÊ NGỌC TUYẾT	Nữ	02/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	8,25	9,40	5,25	Toán	
11	470227	ĐÌNH MINH TỬ	Nam	02/07/2006	ĐẮK GLONG - ĐẮK NÔNG	Mường	THCS ngoài tỉnh	5,50	9,00	5,60	3,75	Toán	
12	470228	NGUYỄN TRỌNG TỬ	Nam	11/10/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	4,50	8,25	2,80	4,25	Toán	
13	470229	NGUYỄN THỊ TÚI	Nữ	03/09/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Quang Trung	6,50	5,75	3,80	7,75	Ngữ Văn	
14	470230	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN UYÊN	Nữ	10/12/2006	ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	5,75	3,00	6,25	Ngữ Văn	
15	470231	VŨ THỊ MAI UYÊN	Nữ	22/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	8,25	8,20	6,50	Toán	
16	470232	NGUYỄN THU UYÊN	Nữ	21/06/2006	BUỒN MA THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Phạm Văn Đồng	5,50	7,25	5,20	5,75	Ngữ Văn	
17	470233	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	08/01/2006	CAN LỘC - HÀ TĨNH	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	5,50	6,75	7,80	4,50	Toán	
18	470234	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	09/09/2006	PHƯỚC LONG - BÌNH PHƯỚC	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	7,00	6,60	1,25	Toán	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phan Thanh Hải

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh_2

Phòng thi số: 14

Từ SBD: 470235 đến SBD: 470240

Từ SBD: 470235 đến SBD: 470240

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	470235	LUU MINH VŨ	Nam	24/03/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,25	7,00	5,20	3,50	Toán	
2	470236	PHÙNG NGỌC VƯỢNG	Nam	25/02/2006	ĐẮK R' LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	7,75	4,80	3,25	Toán	
3	470237	LÊ NGUYỄN THẢO VY	Nữ	08/10/2006	PHỤNG HIỆP - HẬU GIANG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	3,00	3,20	5,00	Ngữ Văn	
4	470238	ĐẶNG TRẦN LAN VY	Nữ	10/03/2006	Đà Lạt - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	6,25	8,25	4,80	5,00	Toán	
5	470239	PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	01/02/2006	ĐẮK NÔNG	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	5,80	7,25	6,20	4,75	Toán	
6	470240	LÊ THỊ THUẦN YÊN	Nữ	23/07/2006	ĐẮK LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	3,25	4,20	6,50	Ngữ Văn	

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Phạm Thanh Hải